

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 292 /UBND-KTTH
V/v xác định nhu cầu, nguồn và
phương thức chi CCTL năm 2024

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1449/STC-QLNS ngày 29/8/2024.

Để phù hợp với thực tế của địa phương, cùng với việc thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh hướng dẫn một số nội dung xác định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 như sau:

I. Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

1. Xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền; trong đó chú ý:



a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc được hưởng lương từ ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu kinh phí là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2024 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024. Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024.

b) Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nhu cầu kinh phí của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được xác định bao gồm các chế độ sau:

a) Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) và quỹ tiền thưởng theo quy định.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP bao gồm cả kinh phí tăng thêm để thực hiện các chế độ chính sách sau:

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư; chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Hỗ trợ quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

d) Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 9/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

e) Nhu cầu kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2023, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng.

f) Nhu cầu kinh phí tăng thêm (từ mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng lên mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp đối với số biên chế giáo viên tăng thêm theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc giao biên chế năm 2024 và Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ số lượng lương làm việc (chỉ tiêu biên chế viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024.

f) Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 và xử lý nguồn thực hiện theo hướng dẫn này.

II. Xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

1. Đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều a, b, d, e, f Khoản 2 Mục II Công văn này, sau khi đã sử dụng để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng.

2. Đối với ngân sách cấp huyện, cấp xã:

a) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% tiết kiệm chi thường xuyên (Không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được UBND tỉnh giao (nếu có);

b) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% tiết kiệm chi thường xuyên (Không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được UBND tỉnh giao (nếu có);

c) 70% tăng thu ngân sách cấp huyện, cấp xã năm 2023 thực hiện năm 2023 và 50% tăng thu ngân sách cấp huyện, cấp xã năm 2024 so với dự toán năm 2023 UBND tỉnh giao (Không kể: thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước);

d) 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các



đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

e) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước: Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

+ Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

+ Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

+ Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định).

f) Nguồn cải cách tiền lương từ năm 2023 trở về trước chưa sử dụng hết chuyển nguồn sang năm 2024.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ nhu cầu kinh phí điều chỉnh tiền lương tăng thêm cho các đơn vị và địa phương sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí điều chỉnh tiền lương mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định (trừ các đơn vị tại mục II.3).

III. Thủ trưởng các đơn vị thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn chủ động sử dụng nguồn kinh phí tại đơn vị để thực hiện chi trả tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định từ ngày 01/7/2024 và tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính (theo biểu mẫu đính kèm) gửi về Sở Tài chính trước ngày 09/9/2024 để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. / *Handwritten signature*

Nơi nhận: *Handwritten mark*

- Như trên;
- KBNN tỉnh;
- Phòng TCKH các huyện, TP, TX;
- KBNN các huyện, TP, TX;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Ngô Tân Phụng



